TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01/02/2018.
V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Bé Năm.

Ông Cao Châu Tiếp.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Kim Thoa, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 398/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/11/2017 về việc tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXX-ST ngày 15/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Văn Đ, sinh năm 1982; (có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1977; (có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Trần Văn Đ trình bày: Giữa anh Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc D kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn ngày 16/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên tranh cãi từ năm 2016. Anh Đ và chị D vẫn sống cùng nhau, cuộc sống vợ chồng tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì thế về tình cảm vợ chồng không còn nên anh Đ yêu cầu được ly hôn chị D;

Về con chung: Giữa anh Đ và chị D có 02 con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 20/5/2004 và Trần Gia T, sinh ngày 17/9/2011. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu được nuôi con chung Trần Gia T, chị D được quyền nuôi con chung Trần Gia H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Thống nhất cùng lời trình bày của anh Đ về thời gian kết hôn và quá trình chung sống như anh Đ trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ có quen người phụ nữ khác bên ngoài. Chị thấy anh Đ và người phụ nữ đó nhắn tin qua điện thoại và anh Đ cài hình nền của người phụ nữ đó trong điện thoại. Chị và anh Đ vẫn còn sống chung trong nhà nhưng vợ chồng đã ly thân không còn gần gũi nhau. Nhưng chị vẫn còn thương chồng, thương con, không muốn gia đình đỗ vỡ, chị muốn vợ chồng hàn gắn. Chị D không đồng ý ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Có 02 con chung như anh Đ trình bày là đúng. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 20/5/2004 và Trần Gia T, sinh ngày 17/9/2011, chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Anh Đ yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc D. Về con chung anh Đ đồng ý giao 02 con chung Trần Gia T, Trần Gia H cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/02con, thời gian cấp dưỡng nuôi con khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, chị D không đồng ý ly hôn, nếu có chấp nhận yêu cầu của anh Đ thì chị D yêu cầu được nuôi 02 con chung, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và lao động được.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Đ về quan hệ hôn nhân, con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Đ thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn" được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tại phiên tòa, anh Trần Văn Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu ban đầu. Do đó, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời trình bày của anh Trần Văn Đ thì giữa anh Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc D kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn ngày 16/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên tranh cãi. Tại phiên tòa, chị D thừa nhận lời trình bày của anh Đ là đúng;

Căn cứ lời trình bày của chị D cho rằng anh Đ có người phụ nữ khác, anh Đ không thừa nhận và chị D cũng không có căn cứ chứng minh. Do đó lời khai nại của chị D không có căn cứ;

Căn cứ vào lời trình bày của anh Đ và chị D về thực trạng hôn nhân thì thời gian từ năm 2016 giữa anh Đ và chị D vẫn sống cùng nhau, cuộc sống vợ chồng tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Giữa anh Đ và chị D không có thiện chí, không có phương pháp và kế hoạch cũng như hoạch định hàn gắn tình cảm vợ chồng;

Vì thế Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh Đ và chị D không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Trần Văn Đ.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Đ về con chung và cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ lời trình bày và yêu cầu của anh Đ thì giữa anh Đ và chị D có 02 con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 20/5/2004 và Trần Gia T, sinh ngày 17/9/2011. Anh Đ đồng ý giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/02con;

Căn cứ lời trình bày của chị D thì chị D thống nhất cùng lời trình bày của anh Đ về con chung và cuộc sống hiện tại của hai con chung. Chị D đồng ý theo yêu cầu của anh Đ về quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/02con cho đến khi con đủ 18 tuổi và lao động được;

Căn cứ vào nguyện vọng của con chung Trần Gia H, sinh ngày 20/5/2004 và Trần Gia T, sinh ngày 17/9/2011 thì các con chung muốn sống cùng chị D nên cần tôn trọng ý kiến của các con chung;

Vì thế Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung không bị thay đổi liên tục môi trường nuôi dưỡng sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em, hiện tại con chung do chị D là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho nên cần tiếp tục giao con chung Trần Gia H, sinh ngày 20/5/2004 và Trần Gia T, sinh ngày 17/9/2011 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và lao động được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị D.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh Trần Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Đ về quan hệ hôn nhân, con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và phải chịu án phí hôn nhân thẩm theo quy định. Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và Gia đình và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự.

Căn cứ các điều 92, 147, 220, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Văn Đ. Anh Trần Văn Đ được quyền ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc D.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung Trần Gia H, sinh ngày 20/5/2004 và Trần Gia T, sinh ngày 17/9/2011 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng;

Anh Trần Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng/1con cho đến khi con đủ 18 tuổi và lao động được. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật;

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Văn Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Anh Trần Văn Đ phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001193 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên anh Đ còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
TAND tỉnh Tiền Giang;
VKSND thị xã Cai Lậy;
Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
Các đương sự;
UBND xã (phường);
Lưu: HS, AV

Trương Vĩnh Hữu